



BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
 To: State Securities Commission of Vietnam
 Ho Chi Minh city Stock Exchange

1	Tên Công ty quản lý quỹ: Management Fund Company name:	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI SSI Asset Management Company Limited
2	Tên Ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3	Tên Quỹ: Fund name:	Quỹ ETF SSIAM VNX50 SSIAM VNX50 ETF
4	Mã chứng khoán Securities symbol	FUESSV50
5	Kỳ báo cáo (Reporting period)	Tuần từ 12/11/2021 đến 18/11/2021 (period: from Nov 12th 2021 to Nov 18th 2021)
6	Ngày lập báo cáo (Reporting date)	19/11/2021 19 November 2021

Đơn vị tính: VND

SIT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỶ BÁO CÁO THIS PERIOD 18/11/2021	KỶ BÁO CÁO THIS PERIOD 11/11/2021
1	Giá trị tài sản ròng Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	của quỹ/ per Fund	303,646,186.659	304,865,034.565
1.2	của mỗi lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	2,249,231.012	2,258,259.515
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	22,492.31	22,582.59
2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund	304,141,908.777	303,646,186.659
2.2	của mỗi lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	2,252,903.027	2,249,231.012
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	22,529.03	22,492.31
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in Which:	495,722,118	-1,218,847,906
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to the fund's investment during the period	495,722,118	-1,218,847,906
3.2	Thay đổi GITSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	-	-
3.3	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ Change of NAV per Fund Certificate during period	36.72	(90.28)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND): Highest Value (VND)	307,551,810,628	307,551,810,628
5.2	Giá trị thấp nhất (VND): Lowest Value (VND)	187,399,273,014	181,852,176,007
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài		
6.1	Số lượng Chứng chỉ quỹ		
6.2	Tổng giá trị		
6.3	Tỷ lệ sở hữu		
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	23,100	22,800
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	22,700	23,100
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	(400)	300
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND): Absolute difference (VND)	170.97	607.69
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) hoặc dư (+)): Relative difference (discount(-) premium(+))	0.76%	2.70%
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
	Giá trị cao nhất (VND): Highest Value (VND)	23,100	23,100
	Giá trị thấp nhất (VND): Lowest Value (VND)	13,750	13,800



Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
 Dương Thanh Dũng
 Phó Giám đốc phòng GD&DV Chứng Khoán



Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý
 Authorized Representative of Fund Management Company
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 QUẢN LÝ QUỸ
 SSI

Trần Thùy Linh
 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC